

Name:

Grammar:

Class: S2...

Reading:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....



Mini Test:

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

GLOBAL ENGLISH 2

UNIT 8 – HOME, SWEET HOME – GRAMMAR 2

A. GRAMMAR

1. Using “Can” to Make Requests and Ask Permission (Dùng “Can” để yêu cầu và xin phép làm gì.)

- ❖ **Cách dùng:** dùng để yêu cầu ai đó làm gì cho mình và để xin phép làm gì.
- ❖ **Cấu trúc:**

	Ví dụ
Yêu cầu (Request)	Can you help me? (Bạn có thể giúp tôi không?)
Xin phép (Ask permission)	Can I go outside ? (Con có thể ra ngoài không?)

2. Contractions in Present, Future, and Past (Dạng viết tắt của các thì)

- ❖ **Contractions** là dạng viết ngắn gọn của từ, giúp ta nói và viết **nhanh hơn, tự nhiên hơn**.
- ❖ Một số **contractions** đã học:

Thì	Dạng đầy đủ	Dạng viết tắt	Nghĩa
Hiện tại	do not	don't	không (dùng với I, you, we, they)
	does not	doesn't	không (dùng với he, she, it)
Tương lai	will not	won't	sẽ không
Quá khứ	did not	didn't	đã không

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	children (n)	(nhiều) trẻ em	3	come home	về nhà
2	potato (n)	khoai tây	4	by the beach	bên bờ biển

*Note: n = noun: danh từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÒNG vào vở ghi

C. HOMEWORK

GRAMMAR

I. Choose the correct sentence. (Chọn câu đúng.)

0. A. *She don't like cats.*

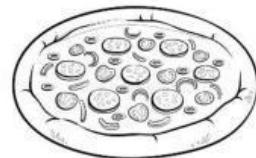
B. *She doesn't like cats.*

1. A. *They didn't go to school yesterday.*

B. *They doesn't go to school yesterday.*



2. A. I won't be late tomorrow.
B. I won't being late tomorrow.
3. A. He don't play football.
B. He doesn't play football.
4. A. We didn't eat pizza last night.
B. We doesn't eat pizza last night.
5. A. She won't go to the party.
B. She won't goes to the party.



II. Fill in the blanks with the correct contraction. (Điền dạng rút gọn đúng.)

0. She doesn't (does not) like apples.
1. They _____ (do not) go to school on Sundays.
2. Jack _____ (did not) go to the park yesterday.
3. I _____ (will not) go to bed late.
4. Liz _____ (does not) want ice cream.
5. We _____ (did not) watch TV last night.

III. Rearrange the words to make sentences. (Sắp xếp từ thành câu đúng.)

0. open / you / Can / please? / the door,

→ **Can you open the door, please?**

1. go / Can / I / outside?

→ _____

2. give / me / Can / a pencil? / you

→ _____

3. Can / some juice? / I / have

→ _____

4. bring / Can / me / a glass of water? / you

→ _____

5. Can / help / with my homework? / you / me

→ _____

EXCELLENT!

Part 3

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1–5. There is one example.

My name is Fred. I like computers, comic books and football.

At the weekend, I like to play sport. I also like to do things with my family.

and friends. Yesterday, my sister and I (1) _____ to the

park and played with Dan, our (2) _____ . At the park,

there were other children that we knew. We played games with them, too.

Today, my friend, Jim, and I (3) _____ our bikes down by

the beach. We went for a swim and then came home to (4) _____

something because we were hungry. My mother made us some lunch. We had

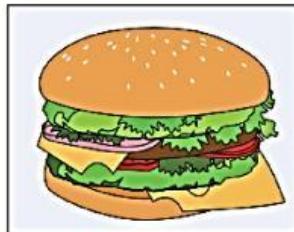
a burger and some chips. It was very nice but my favourite food is chicken and

potatoes. Tomorrow is Monday so I must do my (5) _____

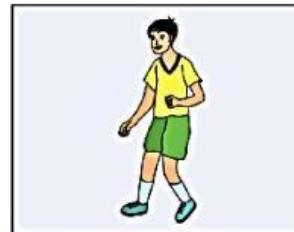
tonight. Yes, I work **and** I play at the weekend!

Example

football



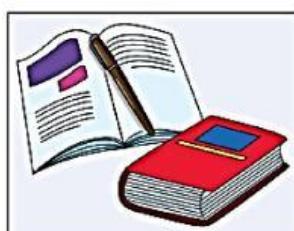
burger



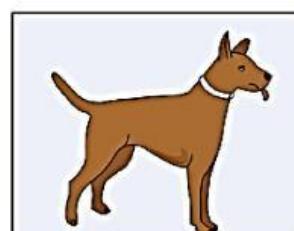
walked



eat



homework



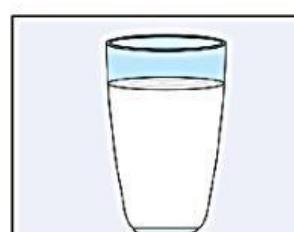
dog



rode



jumped



milk

(6) Now choose the best name for the story.**Tick one box.**

Fred's friends

Fred's weekend

Fred's favourite food